TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2025/HC-PT
Ngày: 21/5/2025
"V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi;
Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 46/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1359/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2025; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1985; địa chỉ: Số D L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

+ Ông Bùi Trung T; địa chỉ: Lô T, Dây M, Ô số B, B, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Ông Nguyễn Tuấn H; địa chỉ: Đ, xã N, huyện T, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Ông Trương Việt H1; địa chỉ: Số A, đường B, khu C, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; có mặt.

+ Ông Phạm Ngọc T1, địa chỉ: D L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Giang Văn Q, Luật sư Công ty L1 Luật, Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà V, số I phố D, D, quận C, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn M, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Nguyễn Duy T2, chức vụ: Phó Trưởng phòng (có mặt); bà Đỗ Thị Bích L (vắng mặt) và ông Nguyễn Hữu D (vắng mặt), chức vụ: Nhân viên; đều thuộc Phòng T5 (nay là Phòng T5) thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

+ Ông Hồ Hồng V, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N và ông Đoàn Mạnh H2, chức vụ: Công chức Địa chính - Xây dựng Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N; đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần X; địa chỉ: Số E phố M, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phước Bảo H3, chức vụ: Phó trưởng Ban Q1, địa chỉ: Lô G, đường A, KĐT A, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A và người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện, người đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện trình bày:

Năm 2003, ông Nguyễn Văn B (cha bà Nguyễn Thị Kim A) chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim A 43.597,4m². Ngày 25/12/2003, Công ty Đ lập Trích đo địa chính khu đất số 49/2003/TĐ-ĐC, tỉ lệ 1/2000, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K xác nhận ngày 15/4/2004 thể hiện bà Nguyễn Thị Kim A đang sử dụng 04 thửa đất là 146, 149, 146A và 149A tại khu vực Đ, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Thực hiện dự án Khu dân cư P khu dân cư S, thành phố N, sau được đổi là dự án xây dựng Khu đô thị A (sau đây viết tắt và sử dụng tên gọi chung là Dự án A) thì Ủy ban nhân dân thành phố N (viết tắt là U) đã thu hồi toàn bộ diện tích tại các thửa đất nêu trên và bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A; cụ thể:

Đợt 1: Tại Quyết định số 3767/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 (viết tắt là Quyết định 3767) thu hồi 31.836m²; Quyết định số 4928/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 (viết tắt là Quyết định 4928) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 08 trường hợp bị giải tỏa bởi dự án và đường số B dự án Cải thiện vệ sinh môi trường thành phố N; Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 03/01/2013 (viết tắt là Quyết định 14) bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim A; diện tích đất được bồi thường, hỗ

trợ là 30.000m²; số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 869.581.000 đồng; diện tích đất còn lại 1.836m² không được bồi thường, hỗ trợ.

Đợt 02: Tại Quyết định số 8645/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 (viết tắt là Quyết định 8645) thu hồi 11.761.4m² nhưng hộ bà Nguyễn Thị Kim A chỉ được bồi thường, hỗ trợ 319.910.000 đồng, không được bồi thường đất.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013, các văn bản liên quan và các quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của UBND tỉnh K thì cả 02 đợt thu hồi đất của U (Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án A và của Chủ đầu tư Công ty Cổ phần X) đã áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hết thời hiệu theo Luật số 31/2004/QH11 ngày 03/11/2004 để tính đơn giá bồi thường, hỗ trợ nên hộ ông Nguyễn Văn B và hộ bà Nguyễn Thị Kim A không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Ông Nguyễn Văn B có nhiều đơn khiếu nại gửi các cơ quan Nhà nước đề nghị xác định việc bồi thường, hỗ trợ đất thu hồi của gia đình cho đúng (bao gồm cả phần diện tích đất thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị Kim A). Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 339/QĐ-TTCP ngày 13/5/2020 (viết tắt là Quyết định 339) của Thanh tra Chính phủ đã có Báo cáo số 1989/BC-TTCP ngày 18/11/2020 (viết tắt là Báo cáo 1989) kiểm tra, xem xét khiếu nại của ông Nguyễn Văn B, kiến nghị: *"Xem xét điều chỉnh lại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phê duyệt cho gia đình ông B theo quy định về bồi thường đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có thời gian trước ngày 01/7/2004..."*.

Trên cơ sở đó, U đã ban hành các quyết định: Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 (viết tắt là Quyết định 408) phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 29/4/2022, (viết tắt là Quyết định 410) bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim A; diện tích đất được bồi thường, hỗ trợ là 30.000m²; tổng số tiền bồi thường về đất, cây trồng, hỗ trợ bổ sung là 2.617.817.000 đồng; đơn giá bồi thường vẫn áp dụng các văn bản có hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất năm 2012, 2014. Các quyết định này bà Nguyễn Thị Kim A không được giao nhận, không được biết; đầu năm 2023 mới được biết do được nhận bản photo.

Xét thấy các quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ là không đúng nên bà Nguyễn Thị Kim A có đơn khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định 408 và Quyết định 410; buộc U, Công ty Cổ phần X và Kỹ thuật thực hiện việc bồi thường về đất, tài sản trên đất, hỗ trợ tái định cư và các chính sách khác theo đúng quy định của pháp luật.

- Người bị kiện U và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Thực hiện Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 05/4/2005 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất do các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nằm trong Dự án A (viết tắt là Quyết định 815); Thông báo số 392/TB-UBND ngày 25/5/2010 của U về việc thu hồi đất bổ sung để thực hiện Dự án A (viết tắt là Thông báo 392); Thông báo số

481/TB-UBND ngày 03/6/2013 của U về việc thu hồi đất bổ sung để thực hiện Dự án A (viết tắt là Thông báo 481). Ngày 18/9/2012, U ban hành Quyết định 3767 thu hồi 31.836m² (gồm một phần thửa 146 và một phần thửa 149) của hộ bà Nguyễn Thị Kim A và đã giao quyết định tại buổi làm việc ngày 23/01/2013. Ngày 18/12/2012, U đã phê duyệt kinh phí cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A tại Quyết định 4928 với số tiền là 869.581.000 đồng. Sau nhiều lần vận động và gửi thông báo nhưng hộ bà Nguyễn Thị Kim A không đồng ý nhận tiền nên kinh phí bồi thường, hỗ trợ đã được Chủ đầu tư gửi vào Ngân hàng TMCP Đ1 ngày 07/5/2014.

Thực hiện Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 của UBND tỉnh K về việc cho phép đầu tư dự án A với diện tích 716.900m³ (viết tắt là Quyết định 1531); U đã ban hành Thông báo 481 thu hồi đất bổ sung để thực hiện Dự án A. Ngày 31/12/2014, U ban hành Quyết định 8645 thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Kim A, diện tích đất thu hồi là 11.761,4m² và Quyết định 8635 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án An Bình T3 (25 trường hợp: 02 trường hợp bổ sung, 23 trường hợp mới) theo quy định. Ngày 21/01/2015, U ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 103) bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim A, tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 319.910.000 đồng. UBND phường P đã ban hành các thông báo: Thông báo số 28/TB-UBND ngày 09/01/2018, Thông báo số 62/TB-UBND ngày 15/01/2018 (lần 2), Thông báo số 74/TB-UBND ngày 18/01/2018 (lần 3) về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án kèm giấy mời nhận tiền nhưng hộ bà Nguyễn Thị Kim A không đến nhận tiền, không bàn giao mặt bằng. Ngày 01/11/2018, UBND phường P tổ chức vận động hộ dân nhận tiền và bàn giao mặt bằng nhưng hộ bà Nguyễn Thị Kim A vẫn không đồng ý. UBND phường P đã bàn giao các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và các hồ sơ có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ của hộ bà Nguyễn Thị Kim A cho ông Phạm Ngọc T1 (chồng bà Nguyễn Thị Kim A ký nhận tại Biên bản giao nhận hồ sơ ngày 03/10/2023).

Thực hiện theo kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Báo cáo 1989, các văn bản chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ và của UBND tỉnh K; U đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A.

Tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định *"... 3. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt..."*. Giá đất bồi thường áp dụng theo khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất *"... Điều 9. Giá đất để tính bồi thường và chi phi đầu tư vào vào đất còn lại: 1. Giá đất để tính bồi thường là giá đất theo mục đích đang sử dụng tại thời điểm có quyết định thu hồi đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định của Chính phủ, không bồi thường theo giá đất sẽ được chuyển mục đích sử dụng..."*. Đơn giá đất tính bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nuôi trồng thủy sản được áp dụng theo quy

định tại điểm c khoản 3 Điều 2 Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND tỉnh K và Văn bản số 511/STNMT-GDBTTĐC ngày 23/3/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K; cụ thể: Đơn giá đất tính bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nuôi trồng thủy sản có vị trí 1 là 18.200 đồng (14.000 đồng x 1,3). Căn cứ các quy định nêu trên, U ban hành Quyết định 408 về việc phê duyệt kinh phí bổ sung và Quyết định 410 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim A với tổng số tiền là 2.617.817.000 đồng. Ngày 10/5/2022, Tổ công tác đã tiến hành bàn giao Quyết định số 410, bà Nguyễn Thị Kim A có đọc, chụp hình lại nhưng không nhận nên đã tiến hành niêm yết công khai tại Trụ sở UBND phường P.

Về giao đất tái định cư: Gia đình bà Nguyễn Thị Kim A không thuộc diện được Nhà nước giao đất tái định cư.

Về chi trả tiền bồi thường: UBND phường P đã có nhiều thông báo, gửi cho hộ dân nhưng hộ dân không đồng ý nhận tiền, không bàn giao mặt bằng. Công ty Cổ phần X đã phối hợp cùng UBND phường P nhiều lần vận động nhưng hộ bà Nguyễn Thị Kim A không đồng ý nhận tiền, không bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án nên kinh phí bồi thường, hỗ trợ đã được Chủ đầu tư gửi vào Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Về giải quyết đơn thư khiếu nại, kiến nghị: Đối với Đơn kiến nghị ghi ngày 19/12/2020 có nội dung đề nghị xem xét bố trí tái định cư, tái định canh do có đất bị thu hồi tại Dự án A: Ngày 17/02/2021 U có Công văn số 1073/UBND-TNMT trả lời đơn bà Nguyễn Thị Kim A không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định. Đối với Đơn khiếu nại ghi ngày 11/9/2023, khiếu nại các Quyết định 8645, Quyết định 408 và Quyết định 410, với nội dung không đồng ý với Quyết định 8645 vì chưa lấy ý kiến của gia đình và chưa cung cấp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giá đất bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định 408 và Quyết định 410 chỉ tính 18.200 đồng là không đúng; việc thực hiện Dự án A là không đúng trình tự, thủ tục quy định pháp luật của Luật Đất đai năm 2013: Ngày 13/11/2023, U ban hành Thông báo số 1899/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 17077/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại; ngày 19/11/2023, Phòng T5 có Báo cáo số 7876/BC-TNMT về việc báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim A và đề nghị tiến hành tổ chức đối thoại theo đúng quy định tại Điều 30 Luật Khiếu nại năm 2011.

Vì vậy, U đề nghị xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần X trình bày:

Đồng ý theo Quyết định 408 và Quyết định số 410 của U.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà, đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, điểm a

khoản 1 Điều 123, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 144, khoản 2 Điều 165, Điều 158 và khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 42 và Điều 43 Luật Đất đai năm 2003; Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A về Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị A, phường P, thành phố N đối với trường hợp hộ ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị Mai T4.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A về hủy các quyết định sau:

2.1. Hủy Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị A, phường P, thành phố N (Trường hợp hộ ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị Mai T4; hộ bà Nguyễn Thị Kim A) phần liên quan đến bà Nguyễn Thị Kim A.

2.2. Hủy Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim A khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị A, phường P, thành phố N.

2.3. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố N thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và các chính sách khác cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03/9/2024, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị buộc U phải bồi thường đầy đủ diện tích đất đã thu hồi còn thiếu theo Quyết định 3767 là 1.836m^2 và theo Quyết định 8645 là 11.761,40m^2; huỷ Tờ trình số 130/NN ngày 09/8/1994 của Phòng Nông nghiệp thành phố N để xác định nguồn gốc đất gia đình sử dụng theo Báo cáo 1989 của Thanh tra Chính phủ; buộc U cấp đất tái định cư cho gia đình.

- Ngày 17/10/2024, người bị kiện U, tỉnh Khánh Hoà có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A và sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Những người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim

A giữ nguyên kháng cáo và thống nhất trình bày: U thu hồi của gia đình bà Nguyễn Thị Kim A toàn bộ 43.596m² đất nhưng chỉ bồi thường diện tích 30.000m² là không đúng mà phải bồi thường đầy đủ diện tích đất đã thu hồi còn thiếu theo Quyết định 3767 là 1.836m², theo Quyết định số 8645 là 11.761,40m²; U căn cứ Tờ trình số 130/NN ngày 09/8/1994 của Phòng Nông nghiệp thành phố N để xác định nguồn gốc đất gia đình bà Nguyễn Thị Kim A sử dụng là không đúng dẫn đến xác định giá bồi thường là không đúng nên đề nghị huỷ tờ trình này để xác định lại nguồn gốc đất của gia đình bà Nguyễn Thị Kim A theo đúng kết luận tại Báo cáo 1989 của Thanh tra Chính phủ; gia đình bà Nguyễn Thị Kim A bị thu hồi toàn bộ đất, không có chỗ ở nào khác nên yêu cầu U phải cấp đất tái định cư. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm.

- Luật sư Giang Văn Q, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A trình bày: Toàn bộ diện tích đất 43.596m² thuộc thửa đất số 146, 149, tờ bản đồ số 49 và thửa đất số 146A, 149A, tờ bản đồ số 28 tại Đ, P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là đất của hộ bà Nguyễn Thị Kim A sử dụng để nuôi trồng thuỷ sản bị U thu hồi để thực hiện Dự án A. U ban hành các Quyết định 3767, Quyết định 4928, Quyết định 14, Quyết định 103, Quyết định 8635, Quyết định 8645, Quyết định 408, Quyết định 410 thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A. Tuy nhiên việc xác định nguồn gốc đất hộ bà Nguyễn Thị Kim A sử dụng là đất giao cho các tổ chức, cá nhân sử dụng theo Tờ trình số 130/NN ngày 09/8/2014 của Phòng Nông nghiệp thành phố N là không đúng; xác định hạn mức đất được bồi thường 30.000m² theo Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 của UBND tỉnh K là không đúng; xác định đơn giá bồi thường tính theo các văn bản: Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011, điểm a khoản 1 Điều 35 Quyết định 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009, khoản 11 Điều 2 Quyết định 10/2011/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND tỉnh K, Văn bản số 511/STNMT-GĐBTTĐC ngày 23/03/2012 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh K để tính giá bồi thường 14.000đ/m² x 1.3 = 18.200đ/m² là không đúng, dẫn đến việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A 2.617.817.000 đồng (làm tròn) là không đúng; hiện nay gia đình bà Nguyễn Thị Kim A không còn chỗ ở nào khác ngoài diện tích đất bị thu hồi trên nên yêu cầu được cấp đất tái định cư. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim A, buộc U bồi thường toàn bộ diện tích 43.596m² đất đã thu hồi, không áp dụng hạn mức bồi thường, huỷ Tờ trình số 130/NN ngày 09/8/2014 của Phòng Nông nghiệp thành phố N và buộc U cấp đất tái định cư cho gia đình bà Nguyễn Thị Kim A theo đúng quy định của pháp luật và sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện theo uỷ quyền của UBND thành phố N trình bày: Năm 2014, khi thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Kim A thì U đã ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A đúng thời hạn. Thực hiện theo kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Báo cáo 1989, các văn bản chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ và của UBND tỉnh K thì U đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A và giao cho bà Nguyễn Thị Kim A vào ngày 10/5/2022 nhưng bà

Nguyễn Thị Kim A chỉ đọc, chụp hình nhưng không ký nhận Quyết định 410 và Quyết định 408, không nhận tiền bồi thường, không bàn giao mặt bằng nên đã lập biên bản và thực hiện các trình tự, thủ tục niêm yết, kết thúc niêm yết Quyết định 410 và Quyết định 408 theo đúng quy định của pháp luật. Sau đó, UBND phường P đã có nhiều thông báo, Công ty Cổ phần X đã phối hợp cùng UBND phường P nhiều lần vận động nhưng hộ bà Nguyễn Thị Kim A không đồng ý nhận tiền, không bàn giao mặt bằng nên kinh phí bồi thường, hỗ trợ đã được Chủ đầu tư gửi vào Kho bạc Nhà nước theo quy định. Như vậy, U đã thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A là kịp thời, đúng thời hạn, không chậm như bản án sơ thẩm đã đánh giá. Căn cứ biên bản về việc bà Nguyễn Thị Kim A không nhận Quyết định 410 và Quyết định 408, biên bản niêm yết và các biên bản làm việc liên quan đến việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối chiếu với Đơn khởi kiện ghi ngày 08/11/2023 và Đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 20/6/2024 của bà Nguyễn Thị Kim A thì thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Công ty Cổ phần X do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Phước Bảo H3 trình bày: Đề nghị gia đình bà Nguyễn Thị Kim A phối hợp thoả thuận nhận tiền đền bù và giao mặt bằng. Trường hợp nếu gia đình bà Nguyễn Thị Kim A đồng ý thì ngoài số tiền do U tính toán lại để bồi thường theo quy định của pháp luật thì Công ty sẽ hỗ trợ thêm cho gia đình.

- Đại diện theo uỷ quyền của UBND thành phố N trình bày bổ sung: Trường hợp gia đình bà Nguyễn Thị Kim A thoả thuận thống nhất nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng, theo tính toán sơ bộ thì toàn bộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim A, bao gồm cả bố đẻ là ông Nguyễn Văn B sẽ được bồi thường và hỗ trợ khoảng 27 tỷ đồng, riêng đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim A sẽ được bồi thường và hỗ trợ khoảng 13 tỷ đồng. Đề nghị gia đình bà Nguyễn Thị Kim A nên xem xét. Đồng ý thoả thuận thì tốt hơn cho cả gia đình và Nhà nước.

- Những người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A trình bày: Không thống nhất thoả thuận như ý kiến của U.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sau khi phân tích nội dung và các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A và kháng cáo của người bị kiện U, tỉnh Khánh Hoà là trong hạn luật định và những người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và Đơn khởi kiện của người khởi kiện có trong hồ sơ vụ án thì Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ được thời hiệu khởi kiện; tại cấp phúc thẩm người bị kiện cung cấp thêm một số tài liệu liên quan đến việc xác định thời hiệu khởi kiện cần phải được làm rõ; Toà án cấp sơ thẩm cũng

chưa xác định được cụ thể người khởi kiện biết được, nhận được các quyết định bị kiện từ thời gian nào. Để xác định được thời hiệu khởi kiện thì cần xác minh, lấy lời khai của những người có liên quan đến việc tống đạt, niêm yết các quyết định hành chính bị kiện mà các nội dung này cấp phúc thẩm không thực hiện được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính để huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A và kháng cáo của người bị kiện U, tỉnh Khánh Hoà là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và những người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm vắng mặt một số đương sự nhưng trong đó có người có đơn xin xét xử vắng mặt, có người uỷ quyền cho người khác tham gia phiên toà, những người khác đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ ý kiến của đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thẩm quyền giải quyết thuộc Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Ngày 29/4/2022 U ban hành Quyết định 408 và Quyết định 410 về việc phê duyệt, bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A do bị thu hồi đất để thực hiện Dự án A. Bà Nguyễn Thị Kim A trình bày không được giao nhận các quyết định nêu trên, đầu năm 2013 mới được biết và ngày 08/11/2023 có đơn khởi kiện. U trình bày Quyết định 408 và Quyết định 410 đã được Tổ công tác giao cho bà Nguyễn Thị Kim A vào ngày 10/5/2022, bà Nguyễn Thị Kim A có đọc, chụp hình lại nhưng không nhận nên đã tiến hành niêm yết công khai tại Trụ sở UBND phường P. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện có việc Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư Dự án A lập biên bản giao Quyết định 408 và Quyết định 410 ghi bà Nguyễn Thị Kim A không nhận nhưng việc lập biên bản là chưa đảm bảo tính khách quan do chỉ có các thành viên tiến hành giao quyết định ký mà không có người làm chứng, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Khi tiến hành niêm yết quyết định thì chỉ lập biên bản có nội dung niêm yết Quyết định 408, không niêm yết Quyết định 410. Tại các biên bản họp vận động hộ bà Nguyễn Thị Kim A nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng ngày 16/6/2022, ngày 01/7/2022, ngày 08/7/2022, ngày 08/7/2022 do UBND phường P lập chỉ có nội dung ghi thông báo

Quyết định 408, Quyết định 410 mà không công bố nội dung cụ thể của Quyết định 408 và Quyết định 410, không thể hiện có việc giao Quyết định 408, Quyết định 410 cho bà Nguyễn Thị Kim A nhận. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm thì U không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện vụ án và tại đơn kháng cáo thì U cũng không kháng cáo đối với thời hiệu khởi kiện vụ án của bà Nguyễn Thị Kim A. Do đó, bản án sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về căn cứ thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Kim A: Dự án Khu dân cư phía Tây được thực hiện theo Quyết định 815 và Dự án A được thực hiện theo Quyết định 1531 của UBND tỉnh K. Đây là dự án với mục đích phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp quy định tại Điều 38 Luật Đất đai năm 2003 nên U ban hành Thông báo 392 về việc thu hồi đất và Thông báo 481 về việc thu hồi đất bổ sung để thực hiện dự án Dự án A là đúng pháp luật.

[2.2] Về quá trình thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Kim A:

Hộ bà Nguyễn Thị Kim A có 43.596m² thuộc thửa đất số 146, 149, tờ bản đồ số 49, thửa đất số 146A, 149A, tờ bản đồ số 28 tại Đ, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa nằm trong phạm vi bị thu hồi đất để thực hiện Dự án A. Nguồn gốc diện tích đất hộ bà Nguyễn Thị Kim A bị thu hồi là đất do Nhà nước quản lý, ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị M1 là người sử dụng để nuôi trồng thủy sản từ năm 1997 và có đóng thuế đất cho Nhà nước từ năm 1999. Ngày 05/12/2003, ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị M1 có giấy viết tay tặng cho con giá là bà Nguyễn Thị Kim A sử dụng để nuôi trồng thuỷ sản.

Ngày 18/9/2012 U ban hành Quyết định 3767, thu hồi 31.836m²; ngày 18/12/2012 ban hành Quyết định 4928 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và ngày 03/01/2013 ban hành Quyết định 14 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 869.581.000 đồng, không bồi thường về đất. Ngày 31/12/2014, U ban hành Quyết định 8645 tiếp tục thu hồi 11.761,4m²; ngày 31/12/2014 ban hành Quyết định 8635 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án An Bình T3 (25 trường hợp: 02 trường hợp bổ sung, 23 trường hợp mới); ngày 21/01/2015 ban hành Quyết định 103 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 319.910.000 đồng, không bồi thường về đất. Tổng diện tích đất hộ bà Nguyễn Thị Kim A sau 02 lần U thu hồi là 43.596m²; diện tích đất được bồi thường là 30.000.000m²; tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là: 869.581.000 đồng + 319.910.000 đồng = 1.189.491.000 đồng.

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ của U nên ông Nguyễn Văn B có nhiều đơn khiếu nại, trong đó khiếu nại cả phần diện tích đất 43.596m² của hộ bà Nguyễn Thị Kim A. Văn phòng C có văn bản chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền giải

quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B, Thanh tra Chính phủ đã thành lập Đoàn kiểm tra và có Báo cáo 1989, tại trang 24 của báo cáo nhận định: *"Sau khi kê khai quản lý năm 1986 đối với diện tích đất nêu trên, UBND phường P (sau này là phường P) đã buông lỏng quản lý, thực tế không quản lý, sử dụng; các cấp chính quyền tỉnh Khánh Hòa và ngành chức năng thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý đất đai, đã để cho các tổ chức, cá nhân tự do sử dụng đất, dẫn đến việc không xác định được chính xác quá trình quản lý, sử dụng của các tổ chức, cá nhân khi nhà nước thu hồi đất… Các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền tỉnh Khánh Hòa đã có sự nhầm lẫn trong việc xác định vị trí, diện tích khoảng 20ha đất ông B đang khiếu nại nằm trong diện tích 70ha đất giao cho Công ty Liên doanh T6 (theo Quyết định số 847/UB ngày 04/6/1987 của UBND tỉnh P). Vì vậy, việc khẳng định diện tích khoảng 20ha đất ông B đang khiếu nại đã được giao cho Công ty Liên doanh T6 quản lý, sử dụng, sau này sáp nhập về Công ty T6, thiết bị Vật tư Thủy sản K là không có cơ sở…"* và kết luận kiến nghị: *"… xem xét, điều chỉnh lại Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt cho hộ gia đình ông B theo quy định về bồi thường đất nông nghiệp khi nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có thời gian sử dụng từ trước ngày 01/7/2004".*

Thực hiện các văn bản của Văn phòng C, Báo cáo 1989 của Thanh tra Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh K. Ngày 29/4/2022, U ban hành Quyết định 408 phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án A (Trường hợp hộ ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị Mai T4; hộ bà Nguyễn Thị Kim A); cụ thể: Việc bồi thường, hỗ trợ căn cứ Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Giá đất bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 của UBND tỉnh K; đất nông nghiệp nuôi trồng thủy sản vị trí 1, áp dụng bồi thường, hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Quyết định 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009; khoản 11 Điều 2 Quyết định 10/2011/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND tỉnh K và theo Văn bản số 511/STNMT-GĐBTTĐC ngày 23/03/2012 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh K là 14.000đ/m² x 1.3 = 18.200đ/m². Hạn mức đất bồi thường xác định không quá 3ha theo Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 của UBND tỉnh K; diện tích đất hộ bà Nguyễn Thị Kim A được bồi thường, hỗ trợ là 30.000m²; diện tích đất không bồi thường (vượt quá hạn mức 3ha) là 1.836m². Tổng số tiền hộ bà Nguyễn Thị Kim A được bồi thường, hỗ trợ làm tròn là 2.617.817.000 đồng.

Như vậy, quá trình U và các cơ quan liên quan thực hiện việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A xác định đất hộ bà Nguyễn Thị Kim A sử dụng có nguồn gốc do Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế Nhà nước quản lý, sử dụng là sai, dẫn đến việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A là không đúng quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn B đã có đơn khiếu nại gửi các cơ quan Nhà nước, đề nghị xác định lại nguồn gốc sử dụng đất của gia đình từ năm 2012 (trong đó có diện tích 43.596m² thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị Kim A) để bồi thường, hỗ trợ cho đúng pháp luật. Sau khi Thanh tra Chính phủ có Báo cáo 1989, kết luận *"Kiến nghị xem xét, điều chỉnh lại Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt cho hộ gia đình ông B1 theo quy định về bồi thường đất nông nghiệp khi nhà nước*

thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có thời gian sử dụng từ trước ngày 01/7/2004 theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Điều 13 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014" thì U mới ban hành Quyết định 408 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án A, phần liên quan đến trường hợp hộ bà Nguyễn Thị Kim A là chậm, dẫn đến việc ban hành Quyết định 410 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A là chậm. Lỗi của việc ban hành chậm các quyết định bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A là do U và các cơ quan liên quan có trách nhiệm bồi thường gây ra vì xác định không đúng nguồn gốc sử dụng diện tích đất hộ bà Nguyễn Thị Kim A bị thu hồi, dẫn đến việc tính giá trị bồi thường, hỗ trợ là không đúng.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ thì việc xác định giá đất để tính mức bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A là tại thời điểm bồi thường bổ sung năm 2022; trường hợp giá đất tại thời điểm bồi thường bổ sung thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi, Do đó, việc U xác định giá đất để tính bồi thường bổ sung cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A theo Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 04/12/2014 của UBND tỉnh K là chưa đúng.

[2.3] Như vậy, bản án sơ thẩm hủy một phần Quyết định 408 phần liên quan đến hộ bà Nguyễn Thị Kim A, hủy toàn bộ Quyết định 410 và buộc U thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ và các chính sách khác cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A là có căn cứ pháp luật.

[2.4] Do bản án sơ thẩm hủy một phần Quyết định 408 phần liên quan đến hộ bà Nguyễn Thị Kim A, hủy toàn bộ Quyết định 410 và buộc U thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ và các chính sách khác cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A nên các ý kiến, đề nghị, kháng cáo của người khởi kiện, người đại diện theo uỷ quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện do U xem xét, giải quyết khi thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A do bị thu hồi 43.596m^2 đất để thực hiện Dự án A theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A; kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hoà và không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A và người bị kiện UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hoà phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A và kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hoà. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

2. Về án phí:

- Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000610 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hoà phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000609 ngày ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng